

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 216/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2025, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Kim N, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Số A, khu phố B, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Phạm Minh T, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Số A, khu phố B, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 02 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 02 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Đỗ Thị Kim N và ông Nguyễn Phạm Minh T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Minh Phương G, sinh ngày 23/02/2010; cháu Nguyễn Minh Thiên P, sinh ngày 04/12/2011 và cháu Nguyễn Minh Phương N1, sinh ngày 24/05/2019 cho bà Đỗ Thị Kim N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời, ông Nguyễn Phạm Minh T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 5.000.000 đồng/tháng/cháu (Năm triệu đồng/ tháng/cháu) cho đến khi cháu

Phương G, cháu Thiên P, cháu Phương N1 đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Vì không trực tiếp nuôi con nên ông Nguyễn Phạm Minh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo thủ tục do pháp luật quy định.

- Về tài sản chung: Bà Đỗ Thị Kim N và ông Nguyễn Phạm Minh T trình bày tự thỏa thuận, không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Bà Đỗ Thị Kim N và ông Nguyễn Phạm Minh T trình bày không có, không đặt ra xem xét.

- Về án phí HNGĐ: Bà Đỗ Thị Kim N tự nguyện nộp án phí hôn nhân gia đình 150.000đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng) và 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0005677 ngày 22/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa. Bà Đỗ Thị Kim N đã nộp xong án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa;
- Đương sự;
- Chi cục thi hành án dân sự TP. Biên Hòa;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

THẨM PHÁN

Trần Thị Thanh Tâm